

UNIT 3:**PEOPLE OF VIET NAM****I/ NEW WORDS:****A CLOSER LOOK 1**

- significant	(adj):quan trọng, đầy ý nghĩa
- insignificant	(adj):không q.trọng, k0 ý nghĩa
- minor	(adj):không quan trọng, thứ yếu
- complicated	(adj): phức tạp
- basic	(adj):cơ bản
- hunt	(v):săn bắt
- economy	(n):sự tiết kiệm
- ceremony	(n):nghi lễ
- waterwheel	(n):cối xay nước
- shawl /ʃɔ:l/	(n):khăn quàng, khăn piêu
- speech	(n):lời nói, bài diễn văn
- schooling	(n):sự dạy dỗ, sự học hành
- play an important role	(n):đóng một v.trò q.trọng

